

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Bà Trần Thị Bích Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị X, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ca C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị X trình bày: Tôi và anh Phạm Ca C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 09/01/2014 tại ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn 6 (nay là thôn B), xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, quan điểm bất đồng. Vợ chồng xảy ra ghen tuông nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng khắc phục hoà giải ổn định được một thời gian, đến tháng 8/2023 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và không thể chung sống cùng nhau được nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 cháu: Phạm Tuấn K sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và tôi không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã xác minh tại Công an xã L hộ khẩu anh C hiện nay ở thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái, anh C hiện nay ở nhà, làm công việc quanh nhà và không đi làm ăn xa khỏi địa phương. Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh C và anh C đã trực tiếp nhận. Sau đó Tòa án đã gửi tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C. Anh C đã trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án gửi đến. Anh C biết việc Tòa án báo gọi đến để giải quyết việc chị Vũ Thị X xin ly hôn anh. Nhưng anh C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Phạm Ca C.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phạm Tuấn K sinh ngày 15/4/2014 cho chị Vũ Thị X nuôi dưỡng. Anh Phạm Ca C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Phạm Ca C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 09/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Chị X cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, quan điểm bất đồng. Vợ chồng xảy ra ghen tuông nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng khắc phục hoà giải ổn định được một thời gian, đến tháng 8/2023 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị X xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn. Chị X xin ly hôn anh C là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị X và anh C hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị X được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Phạm Tuấn K sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn chị X nhận nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu Phạm Tuấn K cho chị Vũ Thị X nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị X về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Phạm Ca C.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Phạm Tuấn K sinh ngày 15/4/2014.

Xử giao cháu Phạm Tuấn K cho chị Vũ Thị X trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Phạm Ca C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị X phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001836 ngày 17/10/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã L.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**